

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 843/2026/DS-ST

Ngày: 29/4/2026

V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 4 và ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1314/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 825/2026/QĐXXST-DS ngày 11/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1201/2026/QĐST-DS ngày 06/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (T1)

Trụ sở: Số E phố L, phường C, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T2, Số C Hậu Giang, phường B, TP .

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân P; Sinh năm: 1990

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà T2, Số C Hậu Giang, phường B, TP .

Theo Văn bản ủy quyền số 2463/2025/GUQ-TPB.CM.KHCN ngày 03/07/2025.

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng B; Sinh năm 1994;

Nơi ĐKTT: A14/7 KP1, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là

xã T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Nơi ở hiện nay: Nhà không số ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Trần Hoàng B vay vốn tại Ngân hàng TMCP T (Sau đây gọi T2), theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 ký ngày 03/10/2018; Nội dung chính như sau:

- Số tiền vay: 1.136.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu đồng);

- Ngày giải ngân: 04/10/2018

- Thời hạn vay: 84 tháng đối với khoản vay số tiền: 1.036.000.000 VNĐ; 36 tháng đối với khoản vay số tiền: 100.000.000 VNĐ

- Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô tiêu dùng theo hợp đồng mua bán số TT SAMCO 18/2189/HD MB/KZ ký ngày 16/08/2018 và các phụ lục hợp đồng đi kèm (nếu có) (số tiền vay: 1.124.000.000 VNĐ) Và vay thanh toán phí mua bảo hiểm An tâm tín dụng (số tiền vay: 12.000.000 VNĐ)

- Lãi suất linh hoạt trong hạn như sau:

- Đối với khoản vay số tiền: 1.036.000.000 VNĐ

- + Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 04/10/2019 là: 9,4%/năm;

- + Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 04/10/2025: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng*VNĐ của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,3%/năm.

- Đối với khoản vay số tiền: 100.000.000 VNĐ

- + Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 04/01/2019 là: 23,6%/năm;

- + Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 04/10/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm 12 tháng*VNĐ của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 15,6%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

- Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Số Hợp đồng	Tài sản
503/2018/HDTD/GDH/01	01 xe ô tô Nhãn hiệu: TOYOTA CAMRY; Màu: Đen; Số khung: 3FKXJ6013050; Số máy: 2AR2050600; Biển kiểm soát: 51G-822.40 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 407012 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2018) (Gọi chung là “Tài sản bảo đảm” hoặc “Tài sản”)

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Trần Hoàng B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với T2 kể từ ngày 04/09/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng. Tạm tính đến ngày 29/04/2026, ông Trần Hoàng B còn nợ T2 số tiền là: Nợ gốc: 799.555.549 VNĐ; Nợ lãi: 260.908.959 VNĐ; Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 625.403.699 VNĐ; Tổng nợ: 1.685.868.207 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với Người bị kiện:

- Buộc ông Trần Hoàng B phải thanh toán cho T2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Tạm tính đến ngày 29/04/2026, ông Trần Hoàng B còn nợ T2 số tiền là: Nợ gốc: 799.555.549 VNĐ; Nợ lãi: 260.908.959 VNĐ; Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 625.403.699 VNĐ; Tổng nợ: 1.685.868.207 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

- Buộc ông Trần Hoàng B thanh toán nợ lãi, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay từ ngày 30/4/2026 cho đến ngày ông Trần Hoàng B thực tế thanh toán hết nợ cho T2.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Hoàng B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì T2 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho T2, cụ thể là:

Số Hợp đồng	Tài sản
--------------------	----------------

503/2018/HDTD/GDH/01	01 xe ô tô Nhãn hiệu: TOYOTA CAMRY; Màu: Đen; Số khung: 3FKXJ6013050; Số máy: 2AR2050600; Biển kiểm soát: 51G-822.40 (Theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 407012 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2018) (Gọi chung là “Tài sản bảo đảm” hoặc “Tài sản”)
----------------------	---

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Hoàng B đối với T2. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Trần Hoàng B vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ tại T2.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, tình trạng hôn nhân của ông Trần Hoàng B là độc thân, T2 xác định chỉ cho cá nhân ông Trần Hoàng B vay vốn, không liên quan đến người khác nên T2 chỉ yêu cầu cá nhân ông B có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

1. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý; việc thu thập, đánh giá chứng cứ; việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự tiến hành phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo thời hạn tố tụng theo quy định.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Đối với các đương sự:

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhận thấy:

Ông Trần Hoàng B có vay vốn tại Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 ký ngày 03/10/2018. Hợp đồng được giao kết hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Hoàng B đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/04/2026, ông Trần Hoàng B còn nợ T2 số tiền là: Nợ gốc: 799.555.549 VNĐ; Nợ lãi: 260.908.959 VNĐ; Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 625.403.699 VNĐ; Tổng nợ: 1.685.868.207 VNĐ

Viện kiểm sát xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

- Buộc ông Trần Hoàng B thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 29/04/2026 tổng nợ: 1.685.868.207 VNĐ gồm nợ gốc và các khoản lãi theo hợp đồng. Đồng thời ông B tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Hoàng B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh thì T2 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho T2

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Hoàng B thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 ký ngày 03/10/2018. Như vậy, tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa tổ chức tín dụng và cá nhân vay vốn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo tài liệu xác minh trong hồ sơ vụ án và thông tin thể hiện trong đơn khởi kiện, bị đơn ông Trần Hoàng B có đăng ký thường trú và cư trú thực tế tại xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do; phiên hòa giải không tiến hành được. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Sau khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về việc giao kết và hiệu lực của hợp đồng tín dụng

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ, xác định: Ngày 03/10/2018, ông Trần Hoàng B và Ngân hàng TMCP T đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số

503/2018/HDTD/GDH/01. Hợp đồng có các đặc điểm: Chủ thể giao kết có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; Việc giao kết là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Hình thức hợp đồng được lập bằng văn bản, phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hợp đồng tín dụng giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Về việc thực hiện hợp đồng và hành vi vi phạm:

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân; Bị đơn đã nhận tiền vay và không có khiếu nại về số tiền nhận; Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán một phần nghĩa vụ nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 04/09/2020. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 bên vay có nghĩa vụ: Trả đủ tiền gốc khi đến hạn, trả lãi theo thỏa thuận. Do đó, việc bị đơn không thanh toán đúng hạn là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã giao kết.

[3.3] Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán

Theo bản tự khai và tài liệu đối chiếu công nợ, tính đến ngày 29/4/2026, bị đơn còn nợ:

- + Nợ gốc: 799.555.549 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 260.908.959 đồng
- + Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 625.403.699 đồng
- Tổng cộng: 1.685.868.207 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy bảng kê nợ do Ngân hàng lập, bị đơn không có ý kiến phản đối, phù hợp với hợp đồng, đủ cơ sở chấp nhận theo Điều 91 BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với toàn bộ khoản nợ nêu trên và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất và tính hợp pháp của các khoản lãi:

Ngày 03/10/2018, ông Trần Hoàng B và T2 khi ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 đã thỏa thuận: Lãi suất trong hạn theo cơ chế điều chỉnh định kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm trên số lãi chậm trả.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Hội

đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tín dụng ngân hàng, được phép áp dụng cơ chế lãi suất thỏa thuận, mức lãi suất và phương thức tính lãi không vi phạm quy định pháp luật, việc áp dụng lãi quá hạn và lãi chậm trả là hậu quả pháp lý của việc vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy các khoản lãi mà nguyên đơn yêu cầu là hợp pháp, có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm

Tài sản bảo đảm là xe ô tô Toyota Camry, đã được đăng ký hợp pháp. Căn cứ Điều 299, 303 Bộ luật Dân sự 2015, khi bên vay vi phạm nghĩa vụ, bên nhận bảo đảm có quyền xử lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[3.6] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử

Tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01, các bên đã có thỏa thuận về việc bên vay phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong. Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định việc buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp pháp luật và thỏa thuận của các bên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Hoàng B đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không tham gia phiên họp, không thực hiện việc hòa giải theo quy định pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố, không đề nghị thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hành vi nêu trên của bị đơn được xác định là không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng, vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ là tự tước bỏ quyền chứng minh của mình; Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp và do nguyên đơn cung cấp, làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 117, 299, 303, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T.

Buộc ông Trần Hoàng B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T (T2) toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 ký ngày 03/10/2018, tạm tính đến ngày 29/04/2026, bao gồm:

- + Nợ gốc: 799.555.549 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 260.908.959 đồng
- + Lãi quá hạn và lãi chậm trả: 625.403.699 đồng

Tổng cộng: 1.685.868.207đ (Một tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ bảy đồng)

2. Kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Trần Hoàng B còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 503/2018/HDTD/GDH/01 ký ngày 03/10/2018.

3. Trường hợp ông Trần Hoàng B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên: Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền: Kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, màu đen, Số khung: 3FKXJ6013050; Số máy: 2AR2050600; Biển kiểm soát: 51G-822.40 (Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 407012 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an T3 cấp ngày 02/10/2018).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Hoàng B đối với Ngân hàng TMCP T.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, thì ông Trần Hoàng B vẫn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Trần Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 62.576.046đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.184.532đ (Hai mươi chín triệu một trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0040291 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Duy Minh Chính

